TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 13/2018/KDTM-PT
Ngày 15 - 10 - 2018
"V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, thế chấp"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đăng Phồn

Ông Nguyễn Hữu Hà.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa*:**
Bà Nguyễn Thị Thúy Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 19/2014/TLPT-KDTM ngày 02 tháng 12 năm 2014 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng, thế chấp". Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2014/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2018/QĐ-PT ngày 04 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

Địa chỉ: Số 70-72, Đường L, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Q; Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng D - Chuyên viên cấp 2, Tổ xử lý nợ miền Bắc, Trung tâm Xử lý nợ E Bank. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng T

Địa chỉ: Xóm 12, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông P; chức vụ: Giám đốc Công ty. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trần Tiến C, sinh năm 1945. Vắng mặt.

+ Bà Lê Thị N, sinh năm 1946. Có mặt tại phiên tòa.

Đều trú tại: Khối T, phường Đ, thành phố V, Nghệ An.

+ Bà Trần Thị Thúy Vân, sinh năm 1970. Vắng mặt.

Trú tại: Khối 9, Phường L, TP.V, tỉnh Nghệ An.

+ Anh Trần Quang K, sinh năm 1974. Có mặt tại phiên tòa.

+ Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1981. Vắng mặt

+ Anh Trần Việt H, sinh năm 1977. Vắng mặt.

Đều trú tại: Khối T, phường Đ, thành phố V, Nghệ An.

Ông C và chị H ủy quyền cho bà Lê Thị N tham gia phiên tòa.

+ Ông Trần Huy K- Công chứng viên Văn phòng công chứng V; địa chỉ: Số 16B, Đường Nguyễn Sỹ Sách, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

+ Ông Nguyễn Đình H - Trưởng Văn phòng Công chứng TT; địa chỉ: Số 07.D1, Đại lộ L, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Người kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2014/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An thì vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 3 năm 2012 của nguyên đơn cũng như các bản khai, người đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần X ký hợp đồng tín dụng cho Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng T, do ông P làm giám đốc và cũng là người đại diện theo pháp luật vay số tiền 3.300.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động, bằng 02 hợp đồng; cụ thể:

- Ngày 28 tháng 01 năm 2011, Chi nhánh EV ký Hợp đồng tín dụng 1602-LAV-201100156 cho Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng T vay số tiền

500.000.000đồng. Ngày 28 tháng 01 năm 2011, Chi nhánh EV giải ngân và Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng T đã nhận nợ, theo Khế ước nhận nợ số 1602-LDS-201100186. Thời hạn vay 12 tháng; gốc trả một lần khi đáo hạn khoản vay, lãi suất vay 21%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng một lần kể từ ngày hợp đồng tín dụng có hiệu lực; lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay; phạt vi phạm do chậm trả lãi: Số tiền phạt = {số tiền lãi chậm trả x lãi suất phạt (150% lãi suất cho vay trong hạn) x số ngày chậm trả}/360.

- Ngày 02 tháng 7 năm 2011, Chi nhánh EV ký Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-201101017 cho Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng T vay số tiền 2.800.000.000 đồng. Ngày 02 tháng 7 năm 2011, Ngân hàng đã giải ngân và Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng T đã nhận nợ theo Khế ước nhận nợ số 1602-LDS-201101145. Thời hạn vay 12 tháng; gốc trả một lần khi đáo hạn khoản vay, lãi suất vay 25,5%/năm, lãi suất này sẽ được cố định 01 tháng tính từ ngày nhận nợ, kể từ tháng thứ 02 trở đi lãi suất sẽ được điều chỉnh thả nổi theo thông báo của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh mà không phải thông báo cho bên vay; lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay; phạt vi phạm do chậm trả lãi: số tiền phạt = {số tiền lãi chậm trả x lãi suất phạt (150% lãi suất cho vay trong hạn) x số ngày chậm trả}/360.

Tài sản thế chấp để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán của 02 hợp đồng trên gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 658,45 m^2, thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ số 18, và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà 1,5 tầng, diện tích 180 m^2, tại Khối T, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An, đã được Ủy ban nhân dân thành phố Vcấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Tiến C và bà Lê Thị N.

Việc thế chấp được thực hiện bằng Hợp đồng thế chấp số 000159/EIBV-TD/BĐTS/10 ngày 23 tháng 6 năm 2010, công chứng tại Văn phòng Công chứng TT, tỉnh Nghệ An, Số công chứng 1000, Quyển số 02VP/CCTT-SCC/HNGĐ và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01 ngày 26 tháng 01 năm 2011, công chứng tại Văn phòng công chứng V, tỉnh Nghệ An, Số công chứng 191/2011/CPCC, Quyển số 01/VPCC/HNGĐ, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất thành phố V ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng T không thanh toán nợ cho Chi nhánh E Bank như cam kết. Chi nhánh EV nhiều lần yêu cầu Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng T và ông Trần Tiến C, bà Lê Thị N là bên bảo đảm đến làm việc, yêu cầu thanh toán nợ nhưng đến nay Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng T và bên bảo đảm vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Ngày 21 tháng 3 năm 2013 Chi nhánh Ngân hàng Thương mại cổ phần E Bank làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn giải quyết buộc Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng T trả cho Ngân hàng các khoản nợ tính đến tính đến ngày 29 tháng 9 năm 2014, theo 02 hợp đồng tín dụng trên với tổng số tiền 7.247.487.100 đồng, cụ thể:

Tiền gốc 3.300.000.000 đồng. Nợ lãi 3.947.487.100 đồng, trong đó:

+ Tiền lãi suất trong hạn 2.53.890.000 đồng;

+ Tiền lãi suất quá hạn 682.647.917 đồng;

+ Tiền phạt do chậm trả lãi 1.210.949.183 đồng.

Trường hợp Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ trả nợ thì tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất diện tích 658,45 m^2, thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ số 18, và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà 1,5 tầng, diện tích 180 m^2, tại Khối T, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An, đã được Ủy ban nhân dân thành phố Vcấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Tiến C và bà Lê Thị N sẽ được Ngân hàng bán theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn - ông P trình bày: Giữa Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng T do ông làm giám đốc có giao kết hợp đồng tín dụng đúng như đại diện của nguyên đơn đã trình bày, nhưng việc vay tiền này là đứng ra làm thủ tục vay hộ cho bà Trần Thị Thúy V và gia đình ông Trần Tiến C, bà Lê Thị N. Số tiền 2.800.000.000 đồng vay tại E Bank do bà Trần Thị Thúy V và Trần Thị Thúy H (là con gái của ông C, bà N) trực tiếp tại Ngân hàng làm lệnh chuyển 2.800.000.000 đồng qua cho Công ty PM do bà Trần Thị Thúy V làm giám đốc và bà Trần Thị Thúy H làm kế toán. Vì vậy, ông không đồng ý với nội dung khởi kiện của Ngân hàng và Công ty Cổ phần thương mại Xây dựng T đã tạm ngừng hoạt động từ tháng 01 năm 2012.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trần Tiến C, bà Lê Thị N, ông Trần Quang K trình bày: Ngày 23 tháng 6 năm 2010, gia đình ông C, bà N cho ông P mượn giấy tờ nhà đất để vay vốn Ngân hàng trong thời hạn 12 tháng. Ông P đưa 02 cán bộ Ngân hàng đến nhà ông C, bà N và yêu cầu ký vào hợp đồng đã soạn sẵn. Hợp đồng này theo chỉ dẫn của cán bộ Ngân hàng, ông C, bà N chỉ ký nháy vào các trang 01, 03, 05. Còn trang 02 là trang có tài sản thế chấp và số tiền vay thì ông bà không được ký. Giá trị tài sản và số tiền Ngân hàng cho ông P vay gia đình

cũng không được biết. Ngày 25 tháng 6 năm 2010, giữa các bên ký kết Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-201000506, theo đó, Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng T vay Ngân hàng E Bank 2,8 tỷ đồng, tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp nêu trên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nêu trên, Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng T không báo cho gia đình ông C, bà N biết. Khi Công ty thực hiện việc đáo hạn trả nợ mà không báo cho gia đình ông C, bà N biết và ông, bà không ký vào hợp đồng tín dụng khi đáo hạn.

Ngày 28 tháng 01 năm 2011, ông P đến đón ông C ra Ngân hàng để bổ sung yêu cầu hồ sơ còn thiếu. Do ông C tuổi cao mắt kém nên đã ký khi chưa nắm rõ nội dung hợp đồng.

Tháng 7 năm 2011, ông P lại đến đón ông C ra Ngân hàng để làm thủ tục lấy bìa đỏ về, ông C vẫn ký theo chỉ dẫn của ông P và cán bộ Ngân hàng mà không rõ nội dung. Sau đó gia đình ông C vẫn không lấy được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về.

Đến tháng 8 năm 2011, Ngân hàng có giấy báo về việc Công ty có nợ quá hạn và gia đình phải chịu trách nhiệm về việc bảo lãnh bằng tài sản của mình cho số tiền vay là 3,3 tỷ đồng của Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng T.

Bà Lê Thị N không thừa nhận đã ký vào phụ lục hợp đồng thế chấp và hợp đồng vay tiền, cụ thể: Tại Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01 ngày 26 tháng 01 năm 2011, bà N không biết ai ký và không đồng ý về nội dung giao dịch; trong hợp đồng ngày 28 tháng 01 năm 2011 vay thêm 500 triệu đồng (chữ ký tại trang 04 và trang 09 Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-201100156) và tháng 7 năm 2011 vay 2,8 tỷ đồng (chữ ký tại trang 04 và 09 của Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-21101017) không phải là chữ ký của bà N (bà N đã yêu cầu giám định chữ ký và có kết quả tại Kết luận giám định số 1399/C54 ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Viện Khoa học hình sự).

Ông C, bà N, anh K không đồng ý yêu cầu xử lý tài sản thế chấp và không buộc ông bà phải chịu nghĩa vụ bảo lãnh khoản tiền vay 3,3 tỷ đồng tiền gốc và lãi suất theo yêu cầu của Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình H - Trưởng Văn phòng Công chứng TT trình bày: Nội dung công chứng Hợp đồng thế chấp bằng giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền trên đất số 000159/EIBV-TD/BĐTS/10 ngày 23 tháng 6 năm 2010 giữa bên nhận thế chấp Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần X tại thành phố V, tỉnh Nghệ An, bên thế chấp ông Trần Tiến C và bà

Lê Thị N được công chứng tại lời chứng số 1000, Quyển số 02 VP-CCTT-SCC/HĐGD ngày 23 tháng 6 năm 2011 tại Văn phòng Công chứng TT.

Ngày 23 tháng 6 năm 2010, cán bộ tín dụng của Chi nhánh Ngân hàng cùng ông Trần Tiến C, bà Lê Thị N cùng các con Trần Thị Thúy V, Trần Quang K, Trần Việt H, Trần Thị Thu H và ông P - giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng T trực tiếp đến Văn phòng Công chứng TT để yêu cầu công chứng hợp đồng trên. Sau khi kiểm tra các giấy tờ liên quan, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, người tham gia giao kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, phù hợp với quy định của pháp luật, tài sản đem giao dịch là đối tượng có thật và được phép thế chấp. Văn phòng Công chứng đã yêu cầu các bên tham gia giao dịch đọc hợp đồng trước khi ký. Những người tham gia giao dịch đã đọc và xác nhận vào hợp đồng và đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng, bên thế chấp đã ký vào hợp đồng trước mặt công chứng viên, các trang 1,3 của hợp đồng cũng được các bên tham gia giao dịch ký để xác nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Huy K- Công chứng viên Văn phòng công chứng V trình bày: Ngày 26 tháng 01 năm 2011, tại trụ sở Văn phòng công chứng V, ông P - giám đốc Công ty Cổ phần thương mại Xây dựng T cùng chị Vân và ông Trần Tiến C, bà Lê Thị N đến văn phòng. Ông P đưa phụ lục hợp đồng (phụ lục 01) ngày 26 tháng 01 năm 2011 yêu cầu công chứng. Ông Kháng đã kiểm tra, đối chiếu phụ lục thế chấp với Hợp đồng thế chấp số 159/EIBV-TD/BĐTS/10 ngày 23 tháng 01 năm 2010. Sau khi kiểm tra thấy hồ sơ đủ điều kiện thế chấp, phù hợp các quy định của pháp luật, ông Kháng đã cho ông C, bà N ký trực tiếp vào phụ lục hợp đồng, có sự chứng kiến của ông Kháng và cùng ông Nguyễn Xuân Kính trưởng văn phòng. Khi ông C và bà N ký xong, ông Kháng có đối chiếu với chữ ký trong hợp đồng thế chấp thấy giống nhau, đưa phụ lục hợp đồng cho ông P ký đóng dấu, sau đó đó đánh lời chứng của công chứng viên. Ông Kháng trực tiếp ký vào phụ lục hợp đồng, yêu cầu ông C, bà N ký vào phụ lục hợp đồng thế chấp. Ông C, bà N trực tiếp ký vào bản phụ lục hợp đồng có sự chứng kiến của ông K, trưởng văn phòng và thực hiện đúng qui định pháp luật.

Với nội dung trên, Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2014/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 95, 199, 243, 245; khoản 1 Điều 29, 131 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 121, 122, 123, 127, 137, 219, 305, 471, 473, 473, 476 Bộ luật Dân sự năm

2005; Điều 27, 28 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2011; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006; xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (E Bank), Chi nhánh V; buộc Công ty Cổ phần thương mại Xây dựng T (do ông P làm đại diện theo pháp luật) phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (E Bank), Chi nhánh V số tiền nợ gốc 3.300.000.000; lãi trong hạn 2.053.890.000 đồng; lãi quá hạn 682.647.917 đồng; tổng cộng là 6.036.537.917 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (E Bank), Chi nhánh V buộc Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng T thanh toán số tiền phạt lãi 1.210.949.183 đồng.

Tuyên bố Phụ lục hợp đồng thế chấp số 000159/EIBV-TD/BĐTS/10 phụ lục số 01 ngày 26 tháng 01 năm 2011 giữa bên thế chấp ông Trần Tiến C, bà Lê Thị N và bên nhận thế chấp Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (E Bank), Chi nhánh V là vô hiệu.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (E Bank), Chi nhánh V về xác định tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 658,45 m^2 (trong đó 150 m^2 đất ở, 508,45 m^2 đất vườn) thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ số 18 và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà 1,5 tầng, diện tích 180 m^2, thuộc khối T, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An, đã được Ủy ban nhân dân thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 311754 ngày 27 tháng 11 năm 2003 cho ông Trần Tiến C và bà Lê Thị N để đảm bảo xử lý thanh toán nợ.

Buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (E Bank), Chi nhánh V trả lại cho ông Trần Tiến C và bà Lê Thị N Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 311754 ngày 27 tháng 11 năm 2003 mang tên ông Trần Tiến C và bà Lê Thị N, với diện tích 658 m^2, tại Khối T, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Ngoài ra, Bản án còn tuyền về án phí, chi phí giám định, lãi suất do chậm thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07 tháng 10 năm 2014, Ngân hàng Thương mại cổ phần X (E Bank) làm đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng:

- Buộc Công ty T thanh toán số tiền phạt do chậm trả lãi tính đến ngày 29 tháng 9 năm 2014 là 1.210.949.183 đồng;

- Buộc Công ty T có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số tiền lãi, tiền phạt chậm trả lãi phát sinh từ ngày 30 tháng 9 năm 2014 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký;

- Bác phần quyết định của Tòa án sơ thẩm về việc phụ lục số 01 Hợp đồng thế chấp số 000159/EIBV-TD/BĐTS/10 ký ngày 26 tháng 01 năm 2011 giữa E Bank, Công ty T và ông Trần Tiến C, bà Lê Thị N vô hiệu, buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (E Bank), Chi nhánh V trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 311754 do Ủy ban nhân dân thành phố Vcấp ngày 27 tháng 11 năm 2003 cho ông Trần Tiến C và bà Lê Thị N.

- Bác phần quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về việc E Bank phải nộp tiền án phí 48.328.475 đồng và 8.000.000 đồng chi phí trưng cầu giám định chữ ký.

Ngày 18 tháng 10 năm 2014, Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (E Bank) có đơn kháng cáo bổ sung đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xem xét các hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự của các cá nhân có liên quan như công chứng viên, người ký giả hồ sơ hợp đồng thế chấp, hợp đồng tín dụng để chuyển hồ sơ sang cơ quan công an xác minh làm rõ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần X rút nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử buộc Công ty T thanh toán số tiền phạt do chậm trả lãi tính đến ngày 29 tháng 9 năm 2014 là 1.210.949.183 đồng, các nội dung kháng cáo khác, đại diện Ngân hàng vẫn giữ nguyên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Bà Lê Thị N và ông Trần Quang K cho rằng bà N không ký vào phụ lục thế chấp, không đồng ý bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty T nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập Việt Nam phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình.

Ông Trần Huy Kkhông nhất trí với kết quả giám định cho rằng bà Lê Thị N không ký vào phụ lục hợp đồng thế chấp, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên Ngân hàng không phải trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C, bà N.

Phát biểu Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán được phân công đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa. Các bên đương sự có mặt tham gia phiên tòa tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Phúc Trường và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, đề nghị Hội đồng xét xử theo quy định. Quyền tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa được bảo đảm.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X rút một phần kháng cáo về yêu cầu Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng T phải thanh toán số tiền phạt do chậm trả lãi tính đến ngày 29 tháng 9 năm 2014 là 1.210.949.183 đồng. Xét thấy, việc rút kháng cáo là tự nguyện, đề nghị Tòa án căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289, khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử nội dung kháng cáo này.

Đối với các nội dung kháng cáo khác, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo về buộc Công ty T có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số tiền lãi, tiền phạt chậm trả lãi phát sinh từ ngày 30 tháng 9 năm 2014 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký; không chấp nhận nội dung kháng cáo đề nghị bác phần quyết định của Tòa án sơ thẩm về việc phụ lục số 01 Hợp đồng thế chấp số 000159/EIBV-TD/BĐTS/10 ký ngày 26 tháng 01 năm 2011 giữa E Bank, Công ty T và ông Trần Tiến C, bà Lê Thị N vô hiệu, buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (E Bank), Chi nhánh V trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y311754 do Ủy ban nhân dân thành phố Vcấp ngày 27 tháng 11 năm 2003 cho ông Trần Tiến C và bà Lê Thị N. Về nội dung kháng cáo về án phí đối với số tiền phạt vi phạm hợp đồng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật. Về nội dung kháng cáo đề nghị xem xét các hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự của các cá nhân có liên quan như công chứng viên, người ký giả hồ sơ hợp đồng thế chấp, hợp đồng tín dụng để chuyển hồ sơ sang cơ quan công an xác minh làm rõ theo quy định của pháp luật, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An đã quyết định khởi tố vụ án hình sự nhưng không xác định được hành vi phạm tội nên đã quyết định tạm đình chỉ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn Công ty Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng T và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của các đương sự này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, Tòa án đã hỏi ý kiến của các đương sự về việc có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không nhưng các đương sự không thỏa thuận được. Do đó, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Xét nội dung vụ án: Ngày 28 tháng 01 năm 2011 và ngày 02 tháng 7 năm 2011, Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng T (Công ty T) ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (Ngân hàng X) - Chi nhánh thành phố V Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-201100156, số tiền vay 500.000.000 đồng và Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-201101017, số tiền vay 2.800.000.000 đồng; thời hạn, lãi suất cho vay, mục đích vay được quy định trong các điều khoản của hợp đồng. Tài sản bảo đảm cho các khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của ông Trần Tiến C và bà Lê Thị N. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng Xuất khẩu khẩu Việt Nam khởi kiện yêu cầu Công ty T phải trả nợ gốc 3.300.000.000 đồng; nợ lãi 3.947.487.100 đồng, trong đó tiền lãi suất trong hạn 2.53.890.000 đồng, tiền lãi suất quá hạn 682.647.917 đồng và tiền phạt do chậm trả lãi 1.210.949.183 đồng; tổng số tiền 7.247.487.100 đồng. Nếu Công ty không trả được nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp. Tòa án cấp sơ thẩm trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và các quy định của pháp luật đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X về số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn, không chấp nhận về số tiền phạt vi phạm và yêu cầu xử lý tài sản. Sau khi xét xử sơ thẩm, Ngân hàng X kháng cáo các yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng X:

Đối với các nội dung kháng cáo đề nghị buộc Công ty T thanh toán số tiền phạt do chậm trả lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29 tháng 9 năm 2014 là 1.210.949.183 đồng, tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Ngân hàng xin rút nội dung kháng cáo này. Xét thấy, việc rút kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Căn cứ khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ nội dung kháng cáo này. Quyết định về nội dung này của bản án sơ thẩm có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

Đối với nội dung kháng cáo buộc Công ty T có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số tiền lãi, tiền phạt chậm trả lãi phát sinh từ ngày 30 tháng 9 năm 2014 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký, xét thấy, mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận phù hợp với lãi suất pháp luật quy định tại thời điểm giao kết hợp đồng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên buộc bên phải thi hành án phải chịu lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng thời gian và số tiền chậm thi hành án kể từ ngày có đơn thi hành án là không đúng với Án lệ số 06 ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo này của Ngân hàng X, buộc Công ty T phải chịu số tiền lãi, tiền phạt chậm trả theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết.

Đối với kháng cáo liên quan đến giao dịch thế chấp, ngày 23 tháng 6 năm 2010, ông Trần Tiến C và bà Lê Thị N ký Hợp đồng thế chấp số 000159/EIBV-TD/BĐTS/10 thế chấp giá trị quyền sử dụng thửa đất số 47, tờ bản số 18, diện tích 658,45 m^2 tại Khối T, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ khoản vay của Công ty T tại Ngân hàng X. Giá trị thửa đất theo được các bên nhất trí là 4.004.000.000 đồng theo Biên bản thẩm định giá ngày 22 tháng 6 năm 2010 để bảo đảm cho khoản vay 2.800.000.000 đồng. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng tại Văn phòng công chứng V và đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Sau đó, ngày 26 tháng 01 năm 2011, các bên đã ký Phụ lục số 01, sửa đổi giá trị tài sản thế chấp là 5.070.000.000 đồng để bảo đảm cho khoản vay tối đa 3.300.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bà Lê Thị N không thừa nhận đã ký vào Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01 ngày 26 tháng 01 năm 2011, không đồng ý thế chấp tài sản để bảo đảm cho khoản vay thêm 500.000.000 đồng và chữ ký trong hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng thế chấp không phải chữ ký của bà. Theo yêu cầu của bà N, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định trưng cầu giám định Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an chữ ký của bà N tại các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và phụ lục. Tại Kết luận giám định số 1399/C54-P5 ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an đã kết luận: Chữ ký "Nhung" và các chữ "Lê Thị N" tại các Phụ lục hợp đồng thế chấp số 000159/EIBV-TD/BĐTS/10 phụ lục số 01; Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-201101017 ngày 28 tháng 01 năm 2011 và Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-201100156 ngày 02 tháng 7 năm 2011 với chữ ký và chữ viết của bà Lê Thị N trên các tài liệu mẫu không phải do cùng một người ký, viết ra". Như vậy, có căn cứ xác định tại thời điểm ký phụ lục hợp

đồng thế chấp, bà Lê Thị N không được biết, không ký vào phụ lục, không đồng ý dùng tài sản là quyền sử dụng đất của mình để bảo đảm cho khoản vay 3.300.000.000 đồng của Công ty T tại Ngân hàng X - Chi nhánh V. Thửa đất số 47, tờ bản số 18, diện tích 658,45 m^2 tại Khối T, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An là tài sản chung của vợ chồng chưa được chia, việc ký phụ lục hợp đồng thế chấp khi chưa được sự đồng ý của bà N là vi phạm điều kiện có hiệu lực của hợp đồng. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng X đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác phần quyết định của Tòa án sơ thẩm về việc Phụ lục số 01 Hợp đồng thế chấp số 000159/EIBV-TD/BĐTS/10 ký ngày 26 tháng 01 năm 2011 giữa E Bank, Công ty T và ông Trần Tiến C, bà Lê Thị N vô hiệu, cần tuyên bố phụ lục này vô hiệu và buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần X phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 311754 do Ủy ban nhân dân thành phố Vcấp ngày 27 tháng 11 năm 2003 cho ông Trần Tiến C và bà Lê Thị N.

Đối với nội dung kháng cáo đề nghị bác phần quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về việc E Bank phải nộp tiền án phí 48.328.475 đồng, xét thấy, đây là số tiền án phí trên số tiền phạt chậm trả lãi không được chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Ngân hàng X đã rút nội dung kháng cáo này và quyết định của bản án sơ thẩm có hiệu lực theo quy định pháp luật. Do đó, Ngân hàng X phải chịu án phí tương ứng với số tiền phạt vi phạm không được chấp nhận.

Đối với nội dung kháng cáo về số tiền chi phí trưng cầu giám định chữ ký 8.000.000 đồng Ngân hàng X phải thanh toán cho ông Trần Tiến C và bà Lê Thị N, việc giám định đã chứng minh chữ ký trong phụ lục hợp đồng thế chấp không phải là chữ ký của bà N nên Ngân hàng X phải chịu phí giám định theo quy định pháp luật. Do ông C, bà N đã nộp tiền tạm ứng chi phí và cần buộc Ngân hàng X phải hoàn trả số tiền này cho người nộp là đúng quy định pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này.

Đối với nội dung kháng cáo đề nghị xem xét dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự của những người liên quan, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án và có công văn đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An điều tra vụ án theo yêu cầu. Ngày 22 tháng 02 năm 2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An đã ra quyết khởi tố vụ án hình sự "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Ngày 22 tháng 02 năm 2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An ra quyết định tạm đình chỉ điều tra với lý do đã hết thời hạn điều trả nhưng chưa xác định được bị can. Từ khi tạm đình chỉ vụ án, bà Lê Thị N đã có

đơn khiếu nại đề nghị Tòa án giải quyết vụ án. Đến nay, việc điều tra cũng chưa có kết quả gì, vụ án đã kéo dài làm ảnh hưởng đến các đương sự nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn có sai sót về cách tuyên án liên quan đến xác định tư cách đương sự và việc xử lý tài sản, sai sót này Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm và Tòa án cấp phúc cần sửa lại cho chính xác

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 289, khoản 1, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm nội dung kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X về yêu cầu buộc Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng T thanh toán số tiền phạt do chậm trả lãi tính đến ngày 29 tháng 9 năm 2014 là 1.210.949.183 đồng (Một tỷ, hai trăm mười triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, một trăm tám mươi ba đồng). Quyết định về nội dung này của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật theo quy định pháp luật.

2. Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X, sửa bản án sơ thẩm về mức lãi suất sau khi xét xử sơ thẩm; không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm về hiệu lực của phụ lục hợp đồng thế chấp, số tiền án phí trên số tiền phạt chậm trả lãi không được chấp nhận và chi phí giám định chữ ký.

Căn cứ vào các Điều 95, 199, 243, 245, khoản 1 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2011); các Điều 121, 122, 123, 127, 137, 219, 305, 471, 473, 473, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27, Điều 28 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị định số163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 về giao dịch bảo đảm; xử:

Tuyên bố Phụ lục hợp đồng thế chấp số 000159/EIBV-TD/BĐTS/10 phụ lục số 01 ngày 26 tháng 01 năm 2011 giữa bên thế chấp ông Trần Tiến C, bà Lê Thị N và bên nhận thế chấp Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (E Bank), Chi nhánh V là vô hiệu.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (E Bank) về xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 658,45 m^2 (trong đó 150 m^2 đất ở, 508,45 m^2 đất vườn) thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ số 18 và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà 1,5 tầng, diện tích 180 m^2, thuộc Khối T, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An, đã được Ủy ban nhân dân thành phố Vcấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 311754 ngày 27 tháng 11 năm 2003 cho ông Trần Tiến C và bà Lê Thị N để đảm bảo xử lý thanh toán nợ.

Buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (E Bank) trả lại cho ông Trần Tiến C và bà Lê Thị N Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 311754 ngày 27 tháng 11 năm 2003 mang tên ông Trần Tiến C và bà Lê Thị N, với diện tích 658 m^2, tại Khối T, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm nếu không trả hết nợ thì Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7, 8 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí và chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 131, Điều 138 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2011); Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 27, Điều 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

- Về án phí sơ thẩm: Buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (E Bank) phải chịu 48.328.475 đồng (Bốn mươi tám triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn, bốn trăm bảy mươi lăm đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 97.100.000 đồng (Chín mươi bảy triệu, một trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001683 ngày 26 tháng 3 năm 2012. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền còn lại.

- Về án phí phúc thẩm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (E Bank) không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm; trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003421 ngày 07 tháng 10 năm 2014.

- Buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (E Bank) phải chịu 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) chi phí giám định chữ ký và phải thanh toán số tiền này cho ông Trần Tiến C và bà Lê Thị N.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Nam Đàn;
- Chi cục THADS huyện Nam Đàn;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

T.M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Hồng Sơn